

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Sỹ Hùng
2. Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Là thư ký Tòa án

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:
(vắng mặt).

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 862/2016/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2016, về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc S (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà Ninh Thị O (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trương Thùy L (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Khóm E, Phường F, Tp C, tỉnh Cà Mau

- Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: Số G, đường T, Phường C, Quận H, TP Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C: Bà Thái Thị Tường V, chức vụ: Phó trưởng phòng bán lẻ Chi nhánh C (theo văn bản ủy quyền số 464/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/6/2016 của Ngân hàng TMCP C) (vắng mặt)

- Ngân hàng chính sách X

Địa chỉ chi nhánh tỉnh Cà Mau: Số H, đường L, Phường J, Tp C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách X: ông Phan Văn L, chức vụ: Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016 của Ngân hàng chính sách X) (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2016 và lời trình bày của nguyên đơn là ông Đặng Quốc S trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Ông và bà Ninh Thị O kết hôn với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 6 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Bà O đã bỏ nhà đi từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà O.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Mai M, sinh ngày 12/8/2005, hiện nay con đang sống chung với ông S. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà O cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách X - Chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền 15.000.000đ, còn nợ Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cà Mau, tính đến ngày 20/6/2017 khoảng 34.000.000đ. Khi ly hôn, ông nhận trách nhiệm thanh toán cho hai Ngân hàng số nợ nêu trên, không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của bà O. Riêng đối với khoản nợ của bà Trương Thùy L số tiền 46.000.000đ là nợ riêng của bà O, ông không biết đến khoản nợ này.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2017 và lời trình bày của bị đơn là bà Ninh Thị O tại biên bản phiên họp ngày 09/01/2017 thể hiện:

Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như lời ông S trình bày. Trong quá trình chung sống, đến khoảng tháng 6 năm 2016 âm lịch thì xảy ra mâu thuẫn về kinh tế và do bất đồng quan điểm nhưng không trầm trọng. Bà nhận thấy vợ chồng chưa có hướng đồng thuận, bà cần thời gian để suy nghĩ nên bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: có 01 con chung tên là Đặng Mai M, sinh ngày 12/8/2005, hiện nay đang sống chung với vợ chồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và ông S ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách X chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền 15.000.000đ. Khi ly hôn bà thống nhất với ý kiến của ông S là ông S nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của bà. Ngoài ra không còn nợ cá nhân, tổ chức nào khác.

Tại bản tự khai ngày 13/02/2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thùy L thể hiện:

Vào ngày 27/8/2015, bà có cho bà Ninh Thị O vay số tiền 20.000.000đ. Khi vay có làm biên nhận và thỏa thuận lãi là 4%/tháng. Đến ngày 15/6/2015, bà cho vay tiếp số tiền 26.000.000đ, có làm biên nhận vay, lãi thỏa thuận là 4%/tháng. Trong quá trình vay, bà O trả cho bà được khoảng 15.000.000đ lãi, chưa trả khoản

tiền vốn nào. Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà bà sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2017 của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C thể hiện:

Ông S và bà O vay tiền tại Ngân hàng TMCP C theo hai hợp đồng tín dụng số 14.062.399/2014-HĐTD/NHCT860 ngày 22/12/2014 vay 50.000.000đ và số 15.080.104/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 27/11/2015 vay 50.000.000đ. Đối với hợp đồng số 14.062.399/2014-HĐTD/NHCT860, tính đến ngày 08/6/2017, ông S và bà O còn nợ lãi là 51.814 đ và nợ vốn là 9.451.814đ. Đối với hợp đồng số 14.080.104/2015-HĐTD/NHCT860, tính đến ngày 08/6/2017, ông S và bà O còn nợ lãi là 141.415đ và nợ vốn là 34.573.229đ.

Do hai khoản vay nêu trên không được đảm bảo bằng tài sản, vì vậy, sau khi có quyết định của Tòa án chấp thuận cho ông S và bà O ly hôn, thì ông S và bà O phải có trách nhiệm trả tất nợ vay cho Ngân hàng. Nếu không thanh toán hoặc có phát sinh vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ tiến hành khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại công văn số 1533/NHCS-KHTC ngày 27/12/2016 của Ngân hàng chính sách X thể hiện:

Tính đến ngày 18/12/2016, hộ gia đình ông S và bà O đang vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo với tổng số tiền là 15.000.000đ, trả lãi theo tháng, trả nợ gốc theo phân kỳ, lãi suất cho vay là 0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 18/8/2017. Khoản nợ tuy chưa đến hạn thanh toán nhưng gia đình ông S và bà O tranh chấp hôn nhân và gia đình nên yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông S và bà O trả 15.000.000.000đ vốn và lãi phát sinh đến khi trả hết khoản nợ.

Ngân hàng chính sách X yêu cầu vắng mặt, không tham gia hòa giải và xét xử trong vụ án nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà O, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Ngân hàng chính sách X xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điều 207 và khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

[3] Về hôn nhân, ông S và bà O kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông và bà được công nhận hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông S xin ly hôn, bà O xác định có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa ông S và bà O đã có mâu thuẫn với nhau không thể hàn gắn được, bà O không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Hơn

nữa, giữa bà O và ông S đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ đó cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông S ly hôn với bà O.

[4] Về con chung, xét thấy, ông S và bà O có 01 con chung tên là Đặng Mai M, sinh ngày 12/8/2005, hiện đang sống chung với ông S. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu M, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông S. Bà O không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Do ông S không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông S và bà O đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung, xét thấy:

Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách X, xét đây là khoản nợ chung của ông S và bà O trong thời kỳ hôn nhân, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là 06 tháng/lần, mỗi lần trả 2.500.000đ vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng, nhưng đến thời điểm này, ông S và bà O vẫn chưa trả được khoản vốn và lãi cho Ngân hàng nên xác định là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Ngân hàng chính sách X yêu cầu ông S và bà O cùng có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Theo biên lai thu lãi, thu tiền gửi (bút lục số 100) thì ông S đã nộp tiền lãi đến ngày 18/6/2017. Như vậy, khi ly hôn, ông S, bà O, mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách X số tiền 7.500.000đ vốn và tiền lãi phát sinh trên nợ vốn theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay từ ngày 19/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ vốn.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP C, xét thấy, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C xác định trường hợp ông S và bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ trước khi có quyết định của Tòa án thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Mặt khác, Ngân hàng TMCP C đưa ra yêu cầu độc lập vào ngày 09/6/2017, tức là sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết khoản nợ của Ngân hàng TMCP C trong vụ án này.

Đối với khoản nợ 46.000.000đ mà bà Trương Thùy L đặt ra, xét thấy, tại phiên tòa, bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn mà tách ra để bà khởi kiện bằng vụ án dân sự khác, hơn nữa bà L chưa thực hiện đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập của mình nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, bà L có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định.

[6] Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định. Ngoài ra, ông S và bà O còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định.

Bà L yêu cầu tuyên án vắng mặt có lý do, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 147, 201, 207, 227, 232 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đặng Quốc S ly hôn với bà Ninh Thị O.

2/ Về con chung: Buộc bà Ninh Thị O tiếp tục giao 01 con chung tên là Đặng Mai M, sinh ngày 12/8/2005, hiện đang sống chung với ông S, cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với bà O. Bà O vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: không đề cập xem xét.

4/ Về nợ chung:

- Buộc ông Đặng Quốc S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách X số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) vốn và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay từ ngày 19/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ vốn.

- Buộc bà Ninh Thị O có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách X số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) vốn và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay từ ngày 19/6/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ vốn.

- Không đề cập xem xét đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP C và của bà Trương Thùy L.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 200.000đ, ông S phải chịu. Ông S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000đ theo biên lai số 0003815 vào ngày 13/12/2016, được đối trừ, ông S đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông S phải nộp 375.000đ, bà O phải nộp 375.000đ (tất cả chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L, bà O, Ngân hàng chính sách X, Ngân hàng TMCP C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Đ Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

